

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I/ MA TRẬN

Phân môn Địa lí							
TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT (Đã kiểm tra GKI)	- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ - Các loại bản đồ thông dụng	2TN*				5% 0,5 đ
2	TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI (Đã kiểm tra GKI)	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất	2TN*				
3	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	- Cấu tạo của Trái Đất - Các mảng kiến tạo	2TN 2TN*	1TL*			35% 3,5đ

	(6 tiết)	– Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính. Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. – Khoáng sản			1/2TLb		
4	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (2 tiết)	– Các tầng khí quyển. Thành phần không khí – Các khối khí. Khí áp và gió – Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.	2TN 2TN*	1TL*	1/2TLa*	10% 1,0đ	
Tỉ lệ %			20%	15%	10%	5%	50%
Tổng hợp chung			40%	30%	20%	10%	100%

II/ BẢNG ĐẶC TẢ

Phân môn Địa lí							
TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)

1	BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT (<i>Đã kiểm tra GKI</i>)	- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ - Các loại bản đồ thông dụng	Nhận biết Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. – Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.	2TN			
2	TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI (<i>Đã kiểm tra GKI</i>)	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	Nhận biết – Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.	2TN*			
3	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT (6 tiết)	- Cấu tạo của Trái Đất - Các mảng kiến tạo - Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai	Nhận biết – Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. – Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa – Kể được tên một số loại khoáng sản. Thông hiểu	2TN 2TN*			

		biến thiên nhiên này – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính – Khoáng sản	– Nêu được nguyên nhân của hiện tượng động đất và núi lửa. – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả. – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. Vận dụng – Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng. – Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. Vận dụng cao – Tìm kiếm được thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.		1TL	1/2TL a*	
4	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (2 tiết)	– Các tầng khí quyển. Thành phần không khí – Các khối khí. Khí áp và gió	Nhận biết - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;	2TN 2TN*			1/2TL(b)

		– Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. Thông hiểu - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống. Vận dụng – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. – Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. – Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.			1/2TL a*	
Số câu/ loại câu			8 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu (a) TL	1 câu (b) TL
Tỉ lệ %			20	15	10	5
Tổng hợp chung			40%	30%	20%	10%

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

A. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng nhất, rồi ghi vào giấy làm bài

Câu 1. Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2. Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh mặt trời là

- A. 23 giờ 56 phút. B. 24 giờ. C. 365 ngày. D. 365 ngày 6 giờ.

Câu 3. Lớp nhân của Trái Đất có trạng thái như thế nào?

- A. Rắn. B. Rắn đến Lỏng. C. Quánh dẻo đến Rắn. D. Lỏng đến Rắn.

Câu 4. Những khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm khoáng sản năng lượng?

- A. Than đá, dầu mỏ, khí đốt. B. Đồng, chì, kẽm.
C. Kim cương, thạch anh, đá vôi. D. Sắt, man-gan, crôm.

Câu 5. Khối khí lạnh được hình thành ở vùng nào dưới đây?

- A. Vùng vĩ độ thấp. B. Vùng vĩ độ cao.
C. Trên đất liền D. Trên các biển và đại dương.

Câu 6. Khối khí nào dưới đây có tính chất tương đối khô?

- A. Khối khí nóng. B. Khối khí lạnh.
C. Khối khí đại dương. D. Khối khí lục địa.

Câu 7. Loại gió thường xuyên thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp ôn đới là gió

- A. mùa. B. Mậu dịch. C. Tây ôn đới. D. Đông cực.

Câu 8. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu vành đai khí áp thấp?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

B. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 đ)

Phân biệt sự khác nhau giữa quá trình nội sinh và ngoại sinh (khái niệm, biểu hiện).

Câu 2. (1,5 đ)

a. Dựa vào bảng số liệu sau: Hãy tính lượng mưa trung bình tháng của TP. Hà Nội.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	18	14	16	35	110	160	150	145	160	140	55	25

b. Em hãy nêu một vài thông tin về thảm họa do một trận động đất gây ra trên thế giới (thời gian, địa điểm xảy ra trận động đất, hậu quả do trận động đất đó gây ra).



ĐỀ CHÍNH THỨC

II/ PHÂN MÔN ĐỊA LÍ(5,0 điểm)

A. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	C	D	D	A	B	D	C	A

B. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1 (1,5đ)	Phân biệt sự khác nhau giữa quá trình nội sinh và ngoại sinh - Nội sinh: là các quá trình xảy ra trong lòng Trái Đất. - Ngoại sinh: là các quá trình xảy ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. - Quá trình nội sinh làm di chuyển các mảng kiến tạo, nén ép các lớp đất đá làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hoặc đẩy vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất tạo thành núi lửa, động đất,... - Quá trình ngoại sinh có xu hướng phá vỡ, san bằng các địa hình do nội sinh tạo nên, đồng thời tạo ra các dạng địa hình mới.	0,25 0,25 0,5 0,5
2a (1,0đ)	Công thức: Lượng mưa trung bình tháng = tổng lượng mưa 12 tháng : 12 Lượng mưa trung bình tháng của TP. Hà Nội = (18+14+16+35+110+160+150+145+160+140+55+25) : 12 = 85,6 (mm)	0,5 0,25 0,25
2b (0,5đ)	Học sinh nêu được thời gian, địa điểm, hậu quả của một trận động đất cụ thể.	0,5

